

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15/2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập (sau đây gọi tắt là 'Danh mục').

Hàng hóa không thuộc Danh mục kèm theo Quyết định này được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập hoặc các địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu nhập theo quy định của Luật hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Trường hợp hàng hóa có nhiều chủng loại (thuộc Danh mục và không thuộc Danh mục), chung vận đơn thì phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

Điều 2. Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục kèm theo Quyết định này được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập hoặc tại các địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu nhập trong các trường hợp sau:

1. Thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu để xây dựng nhà máy, công trình được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan nơi có nhà máy, công trình hoặc kho của nhà máy, công trình.

2. Nguyên liệu, vật tư, thiết bị, máy móc, linh kiện, phụ tùng để phục vụ gia công, sản xuất được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan nơi có nhà máy, cơ sở sản xuất.

3. Hàng hoá tạm nhập để dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan nơi có hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.

4. Hàng hoá nhập khẩu vào cửa hàng miễn thuế được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế.

5. Hàng hoá nhập khẩu vào khu phi thuế quan được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan quản lý khu phi thuế quan.

6. Hàng hóa nhập khẩu phục vụ yêu cầu cứu trợ khẩn cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật hải quan được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan nơi xảy ra thiên tai, dịch bệnh hoặc yêu cầu cứu trợ khẩn cấp.

7. Hàng hóa chuyên dùng nhập khẩu phục vụ an ninh, quốc phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật hải quan được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan theo đề nghị của người khai hải quan.

8. Xăng được đưa từ kho ngoại quan đến các địa điểm làm thủ tục hải quan nơi thương nhân có hệ thống kho xăng dầu.

9. Hàng hóa nhập khẩu đóng chung container đưa về địa điểm thu gom hàng lẻ được làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ.

10. Các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Bộ Tài chính chỉ đạo cơ quan hải quan phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan tăng cường kiểm soát đối với các hàng hóa nhập khẩu có rủi ro cao trong quản lý, đảm bảo yêu cầu về quản lý thuế, quốc phòng, an ninh, kiểm dịch hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

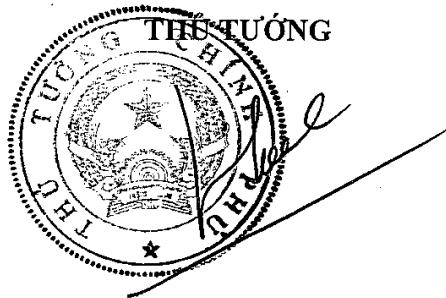
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ, Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ quản lý chuyên ngành theo dõi, rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này.

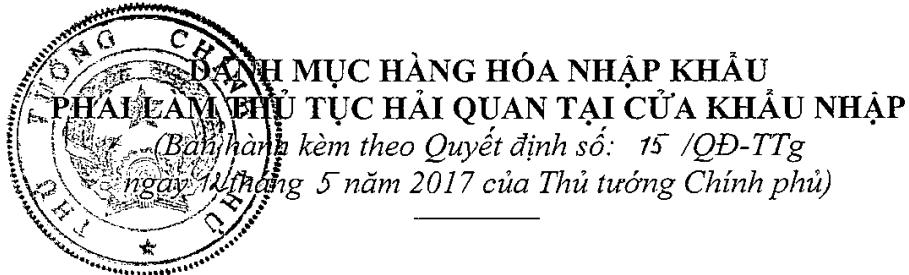
Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Noi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3). *đo*



Nguyễn Xuân Phúc



I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Danh mục này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam và Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu. Nguyên tắc sử dụng danh mục này như sau:

1. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 4 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc nhóm 4 số này đều được áp dụng.
2. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 6 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc phân nhóm 6 số này đều được áp dụng.
3. Các trường hợp liệt kê chi tiết đến mã 8 số thì chỉ những mã 8 số đó mới được áp dụng.

II. DANH MỤC HÀNG HÓA

TT	Mô tả hàng hóa	Mã hàng
1	Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm	
	- Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.	2401
	- Xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu, từ lá thuốc lá hoặc từ các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá.	2402
	- Lá thuốc lá đã chế biến và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến khác; thuốc lá "thuần nhất" hoặc thuốc lá "hoàn nguyên"; chiết xuất và tinh chất lá thuốc lá.	2403
2	Rượu	
	- Rượu vang làm từ nho tươi, kể cả rượu vang cao độ; hèm nho trừ loại thuộc nhóm 20.09.	2204
	- Rượu Vermouth và rượu vang khác làm từ nho tươi đã pha thêm hương vị từ thảo mộc hoặc chất thơm.	2205
	- Đồ uống đã lên men khác (ví dụ: vang táo, vang lê, vang mật ong); hỗn hợp của đồ uống đã lên men và hỗn hợp của đồ uống đã lên men với đồ uống không chứa cồn, chưa chi tiết hay ghi ở nơi khác.	2206
	- Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn tính theo thể tích từ 80% trở lên; cồn ê-ti-lích và rượu mạnh khác, đã biến tính, ở mọi nồng độ.	2207

	- Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn dưới 80% tính theo thể tích; rượu mạnh, rượu mùi và đồ uống có rượu khác.	2208
3	Bia	2203
4	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi	8702 8703
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm ³	
	- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh trên 125 cc nhưng không quá 250 cc	8711.20
	- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 500 cc	8711.30
	- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh trên 500 cc nhưng không quá 800 cc	8711.40
	- Loại khác	8711.90
6	Tàu bay, du thuyền	
	- Tàu bay	8802
	- Du thuyền	8901
7	Xăng các loại	
	Xăng động cơ:	
	- RON 97 và cao hơn, có pha chì	2710.12.11
	- RON 97 và cao hơn, không pha chì	2710.12.12
	- RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 có pha chì	2710.12.13
	- RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 không pha chì	2710.12.14
	- Loại khác, có pha chì	2710.12.15
	- Loại khác, không pha chì	2710.12.16
	- Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực	2710.12.20
8	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	84.15
9	Bài lá	9504.40.00
10	Vàng mã, vàng lá	
	- Giấy vàng mã	4805.91.20
	- Giấy vàng mã	4823.90.92
11	Hàng hóa phải kiểm dịch động vật theo Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định	
12	Hàng hóa phải kiểm dịch thủy sản theo Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định	

13	Hàng hóa phải kiểm dịch thực vật theo Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định	
14	Tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp theo Danh mục do Bộ Công Thương quy định	
14.1	Tiền chất thuốc nổ (theo quy định của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp)	
	- Amoni nitrat (NH4 NO3) dạng tinh thể dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương;	2834.29.90
	- Amoni nitrat (NH4 NO3) dạng hạt xốp dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO;	
14.2	Vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm: thuốc nổ công nghiệp, mồi nổ, kíp nổ, dây nổ, hạt nổ, dây LIL các loại):	
	- Các loại kíp nổ điện dùng trong công nghiệp;	3603.00.10
	- Kíp nổ đốt số 8 dùng trong công nghiệp;	3603.00.10
	- Dây nổ chịu nước dùng trong công nghiệp;	3603.00.90
	- Dây cháy chậm công nghiệp;	3603.00.20
	- Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp;	3603.00.90
	- Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí và bụi nổ;	
	- Thuốc nổ amonit AD1;	3602.00.00
	- Thuốc nổ loại khác (theo danh mục do Bộ Công Thương quy định).	
15	Hàng hóa có ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng theo Danh mục do Bộ Công Thương quy định	
16	Phế liệu theo Danh mục do Thủ tướng Chính phủ quy định	
17	Hàng hóa áp dụng biện pháp thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp theo quy định của Bộ Công Thương	